

# ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

## QUYỂN 10

(Nói về 17 nước).

1. Nước Y Lạn Noa Bát Phạt Đa.
2. Nước Chiêm Ba.
3. Nước Yết Chu Ốt Kỳ La.
4. Nước Bôn Na Phạt Đàn Na.
5. Nước Ca Ma Lũ Bà.
6. Nước Tam Ma Đất Tra.
7. Nước Đam Ma Lật Để.
8. Nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na.
9. Nước Ô Trà.
10. Nước Cung Ngự Đà.
11. Nước Yết Lãng Già.
12. Nước Kiêu-tát-la.
13. Nước Ấn Đạt La.
14. Nước Đà Na Yết Trách Ca.
15. Nước Châu Lợi Đa.
16. Nước Đạt La Tỳ Trà.
17. Nước Mạt La Củ Tra.

### **1 - NƯỚC Y LẠN NOA BÁT PHẠT ĐA.**

Nước Y Lạn Noa Bát Phạt Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, phía tây gần sông Khắc Già. Xứ ấy lúa thóc tươi tốt, hoa quả lắm nhiều, khí hậu hòa sướng, phong tục con người thuần chất. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 4000 vị, phần nhiều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo chung sống lẫn lộn. Gần đây có vị vua ở nước láng giềng, xả bỏ ngôi vị và nước nhà, đem đô thành lớn dâng cúng cho chúng tăng đến trong đô thành đó tạo dựng hai ngôi già lam, mỗi ngôi có gần ngàn vị tăng tu tập và đều học theo giáo

pháp Tiểu thừa Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Bên cạnh đô thành lớn gần sông Khắc Già có quả núi Y Lạn Na thường luôn ngậm nhả mây khói che khuất cả mặt nhật mặt nguyệt. Từ xưa tới nay các bậc tiên Thánh tiếp nối nhau đến gá thân ở đó. Nay có đền thờ trời còn tuân theo phép tắc để lại. Xưa kia, đức Như Lai cũng từng ở lại nơi đó vì các hàng trời người rộng giảng nói diệu pháp. Phía nam đô thành lớn có ngôi Tốt-đổ-ba, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó ba tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó là nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ kinh hành về hướng tây cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi quê hương sinh sống của Bí Sô Tần Thiết Đế Câu Chi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Văn Nhị Bách Úc. Xưa trước gọi là Úc Nhĩ tức sai nhầm vậy). Xưa kia tại thành đó có vị trưởng giả giàu sang phú quý nhưng chậm muộn có con nối dõi. Đến lúc có báo kết quả, liền ban cấp tặng 200 ức tiền vàng, và nhân đó gọi tên người con ấy là “Văn Nhị Bách Úc”. Mãi đến lúc trưởng thành mà chân chưa từng dẫm bước nơi đất, nên dưới bàn chân có sợi lông dài hơn cả thước sáng sạch nhỏ mịn sắc vàng như vàng ròng. Trưởng giả trân quý người con ấy sắm sinh đủ thứ vui chơi tốt đẹp. Từ nơi nhà ở đến tận núi tuyết dựng nhà trạm liền góc, tôi tớ đứng giao nhau giữa đường, phàm cần các thứ thuốc tốt ưu diệu liền đáp đối cùng báo nói, trao nhận chẳng vượt mất thời gian. Ông trưởng giả ấy giàu sang đến thế. Đức Thế Tôn dự biết căn lành của trưởng giả tử sắp phát, bèn bảo tôn giả Một Đặc Già La Tử đi sang giáo hóa. Khi đã đến dưới cửa chẳng do đâu mà tự biết nhà ông trưởng giả thờ cúng nhật thiên, thường mỗi sáng sớm mai xoay mặt hướng đông mà lễ bái. Khi ấy tôn giả Một Đặc Già La dùng sức thần thông từ trong vầng mặt nhật giáng hiện đứng trước. Trưởng giả tử nghi ngờ cho đó là Nhật Thiên (thần mặt trời), nhân đó cúng thí cơm thơm mà trở về, mùi cơm thơm ấy tỏa khắp cùng thành Vương Xá. Khi ấy vua Tần Tỳ Sa La lấy làm kinh lạ mùi thơm phảng phất, bèn bảo kẻ sứ đi hỏi khắp cùng, mới biết là ở tinh xá Trúc Lâm do tôn giả Một Đặc Già La mang từ nhà trưởng giả đến, nếu đi bằng thuyền gỗ mái chèo thì có gian nguy sóng gió, cưỡi xe cưỡi voi sợ hoạn vấp vấp. Khi ấy bèn từ nhà ở đến thành Vương Xá, khơi ngòi thông rãnh đổ đầy dòng bằng hạt cải, đến lúc dừng thuyền cặp nghỉ dùng dây dài dẫn đến thành Vương Xá, trước vào kính lễ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo rằng: “vua Tần Tỳ Sa La bảo kẻ sứ mời gọi ông đến chẳng qua là muốn thấy sợi lông dưới bàn chân ông vậy. Vì vua muốn

trông thấy nên ông phải ngồi kiết già bày bàn chân hướng đến vua. Đứng quốc pháp là đáng chết vậy”. Trưởng giả tử vâng nhận lời dạy răn ấy rồi sang đến nơi vua, dẫn vào sân bái yết, vua muốn trông xem sợi lông, trưởng giả tử mới ngồi kiết già. Vua ngợi khen và ban lễ thù đặc và cũng rất mến quý. Thế rồi tạ từ trở về nơi chỗ đức Phật. Khi ấy đức Như Lai vì giảng nói giáo pháp dạy răn dẫn dụ. Trưởng giả tử nghe mà cảm ngộ bèn liền xuất gia. Từ đó tinh cần tu tập tư duy mong cầu chứng quả, kinh hành chẳng luống bỏ nên chân bèn tổn thương đổ máu. Đức Thế Tôn thấy vậy bảo: “Này gã thiện nam! Lúc còn ở nhà, ông có biết đánh đàn chằng?”. Trưởng giả tử (Bí số Thốt Lũ Đa Tần Thiết Đế Câu Chi) thưa: “Dạ có biết!”. Đức Thế Tôn dạy: “Nếu vậy thì lấy đó để thí dụ, nếu dây đàn quá căng hẳn không hợp vận, dây đàn quá chùng thì điệu không hòa nhã, nên phải là dây đàn không căng không chùng âm thanh mới hòa. Phạm người tu hành cũng vậy. Gấp quá thì thân nhọc mệt tâm sinh biếng lười, hoảng quá thì tình buông duỗi và chí phóng túng”. Trưởng giả tử vâng theo sự chỉ dạy của đức Phật mà hành trì chu toàn, như vậy sau đó không bao lâu bèn chứng đắc quả vị.

Ở biên giới phía tây nước đó tức thuộc phía nam sông Khắc Già, có một quả núi nhỏ đơn lẻ chập chùng cao xót, xưa kia đức Phật từng an cư tại đó ba tháng để nhiếp phục Bạc Câu La Dực Xoa. Dưới hang ở phía đông nam của núi trên tảng đá lớn có dấu vết của đức Phật ngồi in sâu vào đá hơn một tấc, dài 5 thước 2 tấc, rộng 2 thước 1 tấc, phía trên đó có tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Tiếp về phía nam trên tảng đá thì có dấu vết đức Phật đặt Quán Trĩ Ca (tức là bình tắm, xưa trước gọi là Quân trì, tức lược gọi sai nhầm vậy), in sâu trên đá hơn một tấc làm nổi đường hoa văn. Từ nơi dấu vết đức Phật ngồi về phía đông nam cách không xa có dấu vết cẳng chân của Bạc Câu La Dực Xoa dài khoảng 1 thước 5 - 6 tấc, rộng khoảng 7 - 8 tấc, in sâu trên đá gần 2 tấc. Phía sau dấu vết cẳng chân Dực Xoa có tôn tượng đức Phật ngồi bằng đá cao khoảng 6 - 7 thước. Từ đó tiếp về phía tây cách không xa là nơi có dấu vết của đức Phật kinh hành. Trên đỉnh núi đó có thất cũ của Dực Xoa. Từ đó về phía bắc có dấu vết bàn chân của đức Phật dài 1 thước 8 tấc, rộng hơn 6 tấc in sâu trên đá gần nửa tấc. Phía trên dấu chân đó có ngôi Tốt-đổ-ba. Xưa kia đức Như Lai ở đó nhiếp phục Dực Xoa, khiến không giết hại người ăn thịt. Dực Xoa kính thọ giới pháp của Phật, về sau được sinh lên cõi trời. Từ đó về phía tây có khoảng 6 - 7 dòng suối nóng ấm. Nước các suối đó rất nóng. Ở biên giới phía nam nước đó trong rừng núi lớn có lắm nhiều voi hoang dã thân hình rất to lớn.

Từ đó dọc theo bờ phía nam sông Khắc Già theo hướng đông đi hơn 300 dặm đến nước Chiêm Ba (thuộc trung Ấn Độ).

## 2 - NƯỚC CHIÊM BA.

Nước Chiêm Ba chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm, gối lưng phía bắc gần sông Khắc Già. Đất đai thực thấp, lúa má tràn đầy, khí hậu ấm nóng, phong tục thuần chất. Có khoảng vài mươi ngôi già lam phần nhiều đều đã bị hư hoại, chư tăng có hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Đô thành được sắp chất bằng gạch cao đến vài trượng, nền móng cao với cách ngự phòng địch cao hiểm. Xưa kia vào thời đầu kiếp, người vật mới đầu hoang dã ở nơi hang hùm, chưa biết làm cung thất. Về sau có một thiên nữ giáng hiện trong loài người rảo bước đến sông Hằng tắm gội tự vui, cảm linh có thai sinh ra bốn người con, phân chia ở thiệm bộ châu mỗi người chiếm một khu vực, xây thành đô, lập thôn ấp, phân biên cương, họa ranh giới, nơi đó là đô thành nước nhà của một trong bốn người con đó vậy, và cũng là đầu tiêu của các đô thành ở Thiệm bộ châu. Từ đô thành ấy hướng về đông cách khoảng 40 - 50 dặm, về phía nam sông Khắc Già dòng nước cuốn xoay lại nổi lên một hòn đảo nhỏ cao với, trên đó có đền thờ trời. Thần lẫm linh cảm, đục sườn đảo làm thất, dẫn dòng nước thành ao cong, hoa rừng cây lạ, đá lớn ngọn cao nguy hiểm, là nơi các bậc nhân trí nương ở. Người đến trông xem quên cả trở về. Trong núi rừng ở cảnh vực phía nam nước đó, voi hoang thú dữ kết đàn cùng đi rất đông nhiều. Từ đó theo hướng đông đi hơn 400 dặm đến nước Yết Chu Ốt Kỳ La (xứ ấy có tập tục hoặc xưng gọi đó là Yết Dăng Yết La, thuộc Trung Ấn Độ).

## 3 - NƯỚC YẾT CHU ỐT KỲ LA.

Nước Yết Chu Ốt Kỳ La chu vi rộng hơn 2000 dặm, đất đai thấp ẩm, lúa thóc lắm nhiều, khí hậu ôn hòa, phong tục thuần chất, con người dốt chuộc cao tài, sùng quý nghề học. Có khoảng 6 - 7 ngôi già lam, chư tăng có hơn 200 vị. Có mười ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Từ vài trăm năm trở lại đây, giòng họ nhà vua tuyệt tự không người nối dõi, mọi việc làm tùy thuộc các nước lân cận, do đó thành quách gò thành phần nhiều ở nơi thôn ấp. Nên vua Giới Nhật tới Đông Ấn Độ xây dựng cung quán sửa trị các việc nước nhà, đến thì tráp tranh cỏ làm nhà ở, đến lúc đi thì phóng lửa thiêu đốt. Cảnh vực phía

nam nước đó có lắm nhiều voi hoang. Cách vực phía bắc cách sông Khắc Già không xa có đài cao lớn, sắp chất gạch đá mà xây dựng nên, nền móng rộng cao, khắc chạm chế tác rất kỳ đặc. Chung quanh đài mặt vuông, chạm khác hình tượng các Thánh, hình Phật và trời phân biệt rõ mà làm. Từ đó theo hướng đông vượt qua sông Khắc Già đi hơn 600 dặm đến nước Bôn Na Phật Đàn Na (thuộc trung Ấn Độ).

#### **4 - NƯỚC BÔN NA PHẬT ĐÀN NA.**

Nước Bôn Na Phật Đàn Na chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều, ao quán hoa rừng thường luôn đan xen. Đất đai ẩm thấp, lúa thóc tươi tốt. Quả Ban Hạch Sa đã lắm nhiều mà lại quý. Quả ấy lớn như quả Đông Qua (bí đao), lúc chín sắc màu vàng đỏ, xẻ bỏ ra bên trong vài mươi quả nhỏ lớn bằng trứng chim hạc, lại phá ra nữa thì giọt nước vàng đỏ, mùi vị ngọt ngon, hoặc tạt trên cành như kết thật nhiều quả, hoặc tạt dưới gốc rễ cây thì tựa như Phục Linh nơi đất. Xứ đó khí hậu hòa sướng, phong tục ham học. Có hơn vài mươi ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị, đối với giáo pháp Đại thừa Tiểu thừa đều dốc công tập học. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo chung sống lẫn lộn, với hàng lữ hành Ni cần tử thật đông nhiều.

Từ đô thành về phía tây cách hơn 20 dặm, có ngôi Tăng-già lam Bạt Thử Bà, dân nhà rộng thoáng, đài các lớn cao, chư tăng có hơn 700 vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Những bậc thạc học danh tăng ở cảnh vực phía Đông Ấn Độ phần nhiều đến ở trong đó. Bên cạnh đó cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó ba tháng vì các hàng trời người giảng nói giáo pháp. Hoặc đến những ngày trai có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó lại là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Cách đó không xa lại có một ngôi tinh xá, bên trong có tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thân quang soi xét chẳng ẩn, linh ứng luôn hiện bày, nên mọi người ở khắp xa gần đến đó bỏ ăn mà cầu thỉnh.

Từ đó theo hướng tây đi hơn 900 dặm, vượt qua sông lớn đến nước Ca Ma Lũ Ba (thuộc Đông Ấn Độ).

#### **5 - NƯỚC CA MA LŨ BA.**

Nước Ca Ma Lũ Ba chu vi rộng hơn vạn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ. Quả Ban hạch sa, quả Na la kê la, cây giống ấy tuy lắm

nhiều mà lại càng trân quý. Sông, rạch, hồ, vũng giai dải quanh thành ấp. Khí hậu hòa sương, phong tục thuần chất. Con người thân hình thấp nhỏ, dung mạo đen sạm, nói năng ít khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Tánh khí con người hung dữ mạnh bạo, chí chuyên mạnh học, phần chính là tôn thờ trời thần, không tin Phật pháp. Nên từ khi đức Phật xuất hiện nơi đời mãi đến ngày nay, còn chưa tạo dựng được một ngôi già lam nào để chiêu tập các hàng tăng lữ. Nước đó có một số tinh tú nhưng chỉ trộm nhớ nghĩ mà thôi. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, cách hàng dặm đạo đông đến vài vạn dặm.

Nay, vua nước đó vốn là con cháu nối dõi của trời Na La Diên, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, tự là Bà Tắc Yết La Phạt Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhật Trụ), hiệu là Câu Ma La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đồng Tử) tự chiếm cứ đất đai biên cương, lớn mạnh bành trướng, mãi đến ngày nay đã qua 1000 đời vua. Do các vị quốc vương ham học nên dân chúng đều theo phong hóa, các bậc cao tài từ phương xa kính mộ nghĩa khách du. Vuy tuy không thuần tin Phật pháp nhưng rất kính trọng các hàng Sa-môn cao học. Mới đầu nghe có Sa-môn ở nước Chí Na đang ở Tăng-già lam Na Lạn Đà tại nước Ma Yết Đà từ phương xa đến học giáo pháp thâm sâu của Phật, vua bèn sai người ân cần qua lại vài ba phen thỉnh mời, nhưng Huyền Trang tôi vẫn chưa đáp ứng ước muốn đó. Khi ấy luận sư Thi La Bạt Đà La bảo rằng: “Muốn báo ân đức của Phật, phải nên hoàng dương chánh pháp. Ông nên đi sang đó chớ ngại sợ giẫm trải đường xa. vua Câu Ma La ở đời kính thờ ngoại đạo, nay lại cầu thỉnh Sa-môn, đó là việc tốt lành, nhân nay mà cải đổi đường vết phước lợi rộng xa. Xưa kia ông khởi tâm rộng lớn, phát hoàng thệ nguyện, một mình loi lẻ đi đến cảnh vực xa khác, bỏ quên thân mạng vì mong cầu giáo pháp khắp cứu tế hàm linh, đâu không là quê hương nước nhà, nên quên mọi sự được mất, chớ bó buộc bởi vinh nhục, tuyên dương Thánh giáo mở dẫn quần mê, trước lợi vật sau mới thân mình, quên danh tiếng để hoàng dương giáo pháp”. Khi ấy, chối từ không được khỏi, Huyền Trang tôi bèn cùng sứ giả đồng đi mà hội kiến. vua Câu Ma La nói rằng: “Tôi tuy bất tài, nhưng thường mến mộ những bậc cao học, nghe tên bèn nhã chuông liêu dám việc xa thỉnh mời!”. Huyền Trang tôi nói: “Tôi tài năng hiếm ít, trí tuệ riêng kém, hèn tẻ theo nghe”. vua Câu Ma La bảo rằng: “Lành thay! Kính mộ giáo pháp, khéo tham học, xem thân mạng như bọt nổi, giẫm vượt lấm hiểm trở, đi xa đến cảnh vực khác, ấy hẳn do mỹ hóa của quân vương; thuần phong của nước nhà mến chuộng học khiến các nước xứ

Ấn Độ phần nhiều có ca tụng bản nhạc “Tần vương nước Ma-ha Chí Na phá trận”, tôi nghe đó đã lâu vậy. Há đó là quê hương đất nước đại đức ư?”. Huyền Trang tôi nói: “Thật đúng vậy. Đó là bản nhạc ca ngợi khen oai đức của nước chúng tôi vậy”. Vua Câu Ma La nói: “Không để ý đại đức là người nước đó, tôi kính mộ phong hóa xoay về phương đông đã từ lâu. Nhưng vì núi sông cách trở đường xá hiểm nguy không do đâu để đến đó được!”. Huyền Trang tôi nói: “Thánh đức vua nước chúng tôi thăm đượm cùng xa, nhân hóa khắp trùm. Các xứ khác tục khác vực đều đến bái yết cung quyết xưng thần rất đông nhiều vậy”. Vua Câu Ma La nói rằng: “Với sự chở che như thế, tâm tôi đây rất mong được triều cống. Nay đây, vua Giới Nhật ở tại nước Yết Chu Ốt Kỳ la sắp thiết bày đại thí hội, tu tạo phước tuệ lớn. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, những người có học nghiệp ở khắp năm xứ Ấn Độ không ai chẳng được chiêu tập, nay có sai sứ đến đây thỉnh mời, nguyện xin đại đức cùng đồng đi đến đó!”. Khi ấy tôi bèn cùng vua Câu Ma La đến nước Yết Chu Ốt Kỳ La.

Từ nước (Ca Ma Lũ Ba) đó về hướng đông, núi đồi liên tiếp nhau, không có đô thành nước lớn, cảnh vực tiếp liền với tây nam Di Viên, con người về xứ đó thuộc giống Man lão. Hỏi rõ về thộ tục thì đi khoảng hai tháng thì vào đến cảnh vực phía tây nam đất Thục. Nhưng vì núi sông hiểm trở, chướng khí dịch bệnh, rắn độc cỏ độc làm hại rất lắm. Về phía đông nam của nước đó, voi hoang đi từng đàn hung bạo, nên trong nước đó vẽ tượng quân rất đặc biệt lớn mạnh.

Từ đó theo hướng nam đi khoảng 1200 - 1300 dặm đến nước Tam Ma Đát Tra (thuộc Đông Ấn Độ).

## 6 - NƯỚC TAM MA ĐÁT BA.

Nước Tam Ma Bát Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm, bến bãi gần biển lớn, đất đai thấp ẩm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, lúa thóc gieo trồng tươi tốt, hoa quả lắm nhiều, khí hậu hòa sướng, phong tục điều thuận, con người tánh khí cứng mạnh, thân hình thấp nhỏ sặc da đen sạm, ham thích cầu học chuyên cần mài miệt. Tà chánh đều kính tin, có hơn 30 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị đều vâng tuân tập nhọc theo giáo nghĩa Thượng tọa bộ. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, hàng lỏa hình Ni cần tử đồ chúng đông nhiều. Cách đô thành không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó bảy ngày vì các hàng trời người mà giảng nói diệu pháp sâu mầu. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn

đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Cách đó không xa, trong ngôi già lam có tôn tượng đức Phật bằng ngọc xanh cao tám thước, tướng tốt tròn đầy, linh ứng lắm hiệu nghiệm. Từ đó về phía đông bắc có bến bãi biển lớn, theo trong đường hang núi có nước Thất Lợi Ta Đất La, tiếp về phía đông nam ở góc biển lớn có nước Ca Ma Lũng Ca, tiếp về phía đông có nước Đọa La Bát Đế, tiếp về phía đông có nước Maha Chiêm Ba; tức ở Trung Hoa gọi đó là Lâm ấp vậy. Lại tiếp về phía tây nam có nước Diêm-ma Na Châu. Cả sáu nước đó núi sông đường sá hiểm trở nên Huyền Trang tôi không vào các cảnh vực đó, nhưng phong tục đất đai cảnh giới tiếng tăm có thể biết được vậy.

Từ nước Tam Ma Đất Tra theo hướng tây đi hơn 900 dặm đến nước Đam Ma Lạt Đế (thuộc Đông Ấn Độ).

### **7 - NƯỚC ĐAM MA LẠT ĐẾ.**

Nước Đam Ma Lạt Đế chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, bến bãi gần biển, nên vùng ven đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, hoa quả tốt tươi lắm nhiều. Khí hậu ấm nóng, phong tục thô tháo nóng nảy, con người tánh khí cứng mạnh. Tà chánh đều kính tin, có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo chung sống lẫn lộn. Đất nước đó bến bãi ở gần góc biển, đất liền và sông nước giao hội. Các vật trân quý báu lạ phần nhiều đều tích tụ tại đó, nên dân chúng nước đó đại khái đều là giàu sang. Bên cạnh đô thành có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, bên cạnh đó là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ đó theo hướng tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na (thuộc Đông Ấn Độ).

### **8 - YẾT LA NOA TÔ PHẠT THÍCH NA.**

Nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na, chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông nhiều, nhà cửa giàu sang. Đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ. Các thứ hoa tươi tốt, quả lạ lắm nhiều. Khí hậu điều dưỡng, phong tục thuần hòa. Con người khéo mẫn chuộng học các nghề nghiệp. Tà chánh đều kính tin, có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo thật lắm nhiều. Riêng có ba ngôi già lam, chư tăng không ăn dùng sữa lạc, tuân theo di huấn



của Đề Bà Đạt Đa.

Bên cạnh đô thành lớn có ngôi Tăng-già lam Lạc Đa Vị Tri (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xích Nê), sân nàh rộng thoáng, đài các cao vợi, các bậc tài cao đạt học thông mẫn có tiếng tăm trong nước nhà đều tụ tập tại đó, cảnh tỉnh ràn dất nhau cùng thành đạt, mài giũa đạo đức. Mới đầu, tại nước đó chưa kính tin Phật pháp, khi ấy tại Nam Ấn Độ có một ngoại đạo dụng bịt đồng lá, đầu đội đuốc đốt sáng chống mang trượng sách cao bước vào trong thành đó, bày đánh trống luận, tìm cầu muốn nói bàn đối luận. Có người hỏi rằng: “Đầu và bụng của ông mang đội gì khác lạ vậy?”. Ngoại đạo đó đáp: “Tôi học nghề, lắm nhiều tài năng, sợ bụng xé rách, lại xót thương hàng ngu tối, do đó đeo mang soi chiếu”. Trải qua cả 10 ngày mà không người nào hỏi han gì, ngoại đạo đó phỏng hỏi tìm kiến các bậc tài giỏi mà chẳng có hạng người đó. Vua nước đó bảo rằng: “Khắp trong nước nhà đâu có những bậc minh triết, có khách đến cật nạn mà không đối đáp, đó thật là tủi nhục sâu lớn, nên tìm kiếm phỏng hỏi ở các nơi có những vị ẩn dật sâu kín”. Có người bảo rằng: “Trong rừng lớn có một người khác lạ, tự xưng là Sa-môn, có sức học sâu mạnh, nay hiện lẩn ở nơi sâu kín đã lâu vậy. Nếu vị ấy chẳng tỏ rõ các pháp, hợp đức, thì đâu có thể sống được như vậy ư?”. vua nghe thế, đích thân đi đến núi rừng tìm kiếm thỉnh mời. Vị Sa-môn ấy đáp rằng: “Tôi vốn người ở xứ Nam Ấn Độ làm du khách đến nương nấu nơi đây, khả năng học nghiệp cạn cợt, sợ chẳng như điều vua nghe, song xin vâng thừa ý chỉ, không dám chối từ. Nhưng đối luận không thua, xin được tạo dựng ngôi già lam để nhóm tập chư tăng xiển dương tán thán Phật pháp”. vua nói: “Kính nghe điều đó, không dám trái đức!”. Vị Sa-môn ấy vâng nhận sự thỉnh mời đi đến luận trường. Vị ngoại đạo đó khi ấy nên xưng chính tông của mình có hơn ba vạn lời, nghĩa lý sâu xa văn từ rộng lớn, bao hàm cả danh tướng, bủa khắp thấy nghe. Vị Sa-môn ấy nghe qua một lượt rồi cùng trông xem từ nghĩa không sai nhầm, dùng vài trăm lời biện minh để giải thích đó. Nhân đó hỏi về điểm cùng cực của chánh tông, vị ngoại đạo đó cùng cụt ngôn từ khuất nghĩa ấy bèn mang tủi nhục mà rút lui. vua rất kính trọng tài đức của Sa-môn ấy nên tạo dựng ngôi già lam ấy. Từ đó về sau mới hoàng dương Phật pháp.

Bên cạnh ngôi già lam đó cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở nơi đó bảy ngày giảng pháp khai dẫn. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Và có vài ngôi Tốt-đổ-ba

đều là những nơi xưa kia đức Như Lai từng đến giảng nói pháp, do vua Vô Ưu tạo dựng.

Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 700 dặm đến nước Ô Trà (thuộc Bắc Ấn Độ).

### 9 - NƯỚC Ô TRÀ.

Nước Ô Trà chu vi rộng hơn 7000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai màu mỡ lúa thóc tươi tốt, các thứ trái quả lớn hơn so với các nước, cỏ lạ hoa quý lắm nhiều khó thể nêu thuật, khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh dữ. Con người dáng mạo khôi ngô, nhan sắc đen sạm, nói năng ngôn từ phong thái điều nhã có phần khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Khéo ham thích tập học không mỗi một, phần nhiều kính tin Phật pháp, có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa, có khoảng 50 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo chung sống lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng đều là những nơi xưa kia đức Như Lai từng đến giảng nói pháp.

Ở cảnh vực phía tây nam nước đó, trong núi hơn ngôi Tăng-già lam Bồ Sáp Ba Kỳ Ly. Ở đó có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá rất nhiều linh dị, hoặc đến những ngày trai có lúa tỏa phóng ánh sáng, nên các hàng tịnh tín xa gần đều tụ hội mang theo lọng hoa kỳ diệu đua nhau cúng dường, để bày mâm phía dưới, thế bình bát úp phủ phía trên. Dem cây lọng hoa cắm đặt đó bèn đứng như đá nam châm hút kim vậy. Từ đó về phía tây bắc trong ngôi già lam cũng tại núi có ngôi Tốt-đổ-ba có những sự khác lạ cũng đồng như trước. Cả hai ngôi Tốt-đổ-ba đó do quỷ thần tạo dựng nên có sự kỳ đặc như vậy.

Ở cảnh vực phía đông nam nước đó gần bãi biển lớn có thành Chiếc Lợi Bát Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Phát Hành) chu vi rộng hơn 20 dặm, các hàng thương nhân đi vào biển hay lữ khách phương xa đều vào thành đó dừng nghỉ giữa đường. Thành đó bên bờ cao vọt có lắm nhiều vật báu kỳ lạ. Phía ngoài thành theo thứ lớp có năm ngôi già lam, đài các cao lớn, tôn tượng đẹp xinh kỳ công. Từ đó về phía nam đến nước Tăng-già-la cách khoảng hơn vài vạn dặm giữa đêm tĩnh lặng xa trông nhìn lại trên ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ răng của đức Phật có châu ngọc báu sáng rực xếp lớp như treo đèn đốt sáng.

Từ đó theo hướng tây nam đi vào trong rừng lớn đi hơn 1200 dặm đến nước Cung Ngự Đà (thuộc Đông Ấn Độ).

### 10 - NƯỚC ĐÔNG NGỰ ĐÀ.

Nước Đông Ngự Đà chu vi rộng hơn ngàn dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, bến bãi gần góc biển, núi đồi đan xen. Đất đai ẩm thấp, lúa thóc gieo trồng thời vụ. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh mẽ nóng nảy, thân hình to lớn dáng mạo đen sạm, hơi có phần lễ nghĩa, không lắm dối trá. Đến như văn tự đồng như các nước ở Trung Ấn Độ, nói năng phong thái nhã điệu hơi có phần khác. Dân chúng sùng kính ngoại đạo, không tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo có hơn vạn vị. Trong cảnh vực nước đó có vài mươi khu thành nhỏ tiếp liền đỉnh núi, gần cùng biển cả. Thành quách đã bền chắc cao vợi. Binh lính lại quả cảm oai hùng, nên các nước láng giềng không dám cưỡng địch. Đất nước gần liền bãi biển nên có nhiều vật quý báu kỳ lạ như ốc trai ngọc ky, và lấy đó làm vật dụng đổi chác. Xứ đó là nơi sản sinh loài voi lớn sặc xanh cưỡi vượt thấu đến xa. Từ đó theo hướng tây nam vào đồng hoang trướng lớn, lại vào rừng sâu có lắm cây gỗ to lớn che phủ cả ánh mặt nhật, đi khoảng 1400 - 1500 dặm đến nước Yết Lăng Già (thuộc Nam Ấn Độ).

### 11 - NƯỚC YẾT LĂNG GIÀ.

Nước Yết Lăng Già chu vi rộng hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Lúa thóc gieo trồng thời vụ, hoa cỏ có lắm nhiều, rừng chằm liên tiếp dài cả vài trăm dặm. Là xứ sản sinh loài voi sặc xanh, các nước láng giềng lấy làm quý lạ. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người thô tháo hung bạo, tánh khí phần nhiều hẹp hòi bạo ác, song chí tiết còn có tín nghĩa. Nói năng nhẹ nhàng âm điệu chất thực chính xác, từ chỉ phong thái có phần khác so với các nước ở xứ Trung Ấn Độ. Hiếm ít người kính tin chánh pháp, phần nhiều tôn sùng theo ngoại đạo. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 500 vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông, phần nhiều là đồ chúng của Ni Càn Tử.

Vào thời xa xưa đất nước Yết Lăng Già, dân chúng đông nhiều kẻ vai tụ hội giăng tay áo thành màn che phủ, có vị tiên nhân chứng đắc ngũ thông nường nấu nơi núi hang, có người lẩn lướt xúc chạm, vị tiên nhân ấy lùi mất sức thần, bèn dùng chú thuật xấu ác tàn hại dân chúng nước đó, lớn nhỏ không bỏ sót, hiền ngu đều chết mất. Người khố tuyệt dứt trải qua thời gian lâu dài. Dân hồi đời đổi chỗ ở nhưng vẫn chưa sung đủ, nên đến nay, tại nước đó, dân hộ còn hiếm ít.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba cao

hơn trăm thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Về biên thù phía bắc cảnh vực nước đó, trên đỉnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn trăm thước. Vào thời đầu kiếp lúc con người có được tuổi thọ vô lượng. Khi ấy có vị Độc Giác ở tại đó nhập tịch diệt. Từ đó theo hướng tây bắc vào trong rừng núi đi hơn 1800 dặm, đến nước Kiêu-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ).

## 12 - NƯỚC KIÊU-TÁT-LA.

Nước Kiêu-tát-la chu vi rộng hơn 6000 dặm, núi non bao quanh bốn phía, rừng chằm liên tiếp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm, đất đai màu mỡ sản sinh lắm thứ lợi nhuận rất lắm. Thôn ấp liền nhau, dân chúng nhà cửa lắm nhiều. Con người hình dáng to lớn, sắc da đen sạm, phong tục cứng mạnh, con người tánh khí mạnh mẽ nóng nảy. Tà chánh đều kính tin, học hành tài nghệ sáng suốt cao vợi. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có gần vạn vị đều tập học threo giáo pháp đại thừa. Có hơn 70 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo chung sống lẫn lộn.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó, hiện sức thần thông lớn nhiếp phục các ngoại đạo. Về sau, Bồ-tát Long Mãnh đến ở ngôi già lam đó. Bấy giờ vua nước đó hiệu là Sa Đa Bà Ha (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Dẫn Chánh rất trân quý Bồ-tát Long Mãnh nên bao học gìn giữ cửa ngõ phòng thất. Khi ấy Bồ-tát Đề Bà từ nước Chấp Sư Tử đến cầu xin luận nghị, nói với người giữ cửa rằng: “Tôi mong được cùng bái yết (Bồ-tát Long Thọ)”. Người giữ cửa bèn vào trình bạch. Bồ-tát Long Thọ đã nhà biết danh tiếng của Bồ-tát Đề Bà, nên đưa một bát đựng nước đầy và bảo đệ tử rằng: “Người đem bát nước này ra bày cho người kia (Bồ-tát Đề Bà)”. Bồ-tát Đề Bà thấy bát nước bèn chỉ im lặng mà ném cây kim vào bát nước. Vị đệ tử ấy bưng bát nước mà hoài nghi trở vào. Bồ-tát Long Mãnh hỏi rằng: “Người ấy nói gì chẳng?”. Vị đệ tử ấy đáp: “Người ấy chỉ im lặng không nói gì, ném cây kim vào bát nước mà thôi”. Bồ-tát Long Mãnh bảo: “Trí tuệ thay, người ấy! Ta biết rõ căn cơ tính thần người ấy xác thực là bậc Á Thánh, đức lớn như thế, hãy nhanh ra bảo người ấy vào đây”. Vị đệ tử ấy hỏi: “Vậy nghĩa là sao? Người ấy không nói năng gì mà đại sư khéo biện rõ về đó ư?”. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Phàm, nước thì tùy đồ vật chứa đựng hình thể vuông

tròn, theo vật đục trong mà lan tràn không ngăn ngại, lắng đượm chẳng thể lường, khắp đây mà nêu bày đó sánh như trí của ta học thấu khắp cùng. Người ấy ném cây kim bát nước hắt lặn tới đáy, nên đó là người phi thường, nên gấp chóng vời vào đây!”. Và, Bồ-tát Long Mãnh vốn phong thái khuôn phép khiến mọi người kính sợ, chỉnh túc mọi vật. Mọi người muốn nói năng đàm luận thảy đều cúi ngẩn đầu. Bồ-tát Đề Bà vốn kính trọng phong huy đó, từ lâu đã mong muốn đến thỉnh hỏi điều lợi ích mới muốn đến thọ học. Trước sợ cơ thần, nhẽ sợ oai nghi. Lúc vào phòng thất đứng kề bên tòa đàm nói sâu mầu trọn ngày, ngôn từ nghĩa lý trong suốt cao siêu. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Thật là kẻ hậu học thông cùng cả thế gian, khéo biện sáng tỏ xưa trước. Ta nay già suy, gặp được bậc anh tài như ông thật như nước rót bình, có nơi gởi gắm trao đền nối đuốc không dứt tuyệt. Sự hoằng tuyên giáo pháp thật thật rất mong nhờ con người như ông, may có khả năng đối trước pháp tịch nhẽ đàm huyền áo”. Bồ-tát Đề Bà nghe bảo vậy, trong tâm riêng tự kiêu phụ, sắp mở nghĩa phủ, trước rảo quanh vườn biện luận, nêu bày lời đầu, ngưỡng trông thấy nghĩa lý thất thật, bỗng thấy oai nghi dung chỉ của Bồ-tát Long Mãnh, bèn quên lời ngậm miệng, lánh mặt khỏi pháp tịch dẫn bày tự trách, bèn cầu xin thọ học. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Hãy ngồi lại đây, nay sắp trao cho ông diệu lý chí chân, giáo pháp chất thật của đấng pháp vương”. Bồ-tát Đề Bà liền gieo cả năm vóc xuống đất, nhất tâm quy mạng, thưa rằng: “Từ nay trở về sau cúi xin vâng theo sự chỉ dạy!”.

Bồ-tát Long Mãnh khéo thông rành về đượm thuật tự ăn dùng phẩm vật bổ dưỡng sinh mạng tuổi thọ kéo dài cả vài trăm năm, chí khí dung mạo không suy lão. Vua Dẫn Chánh đã được diệu đượm ấy tuổi thọ cũng được vài trăm năm. Vua có người con trẻ nhỏ nói cùng với mẹ rằng: “Đến lúc nào con đây mới được nối tiếp ngôi vua?”. Mẹ bảo rằng: “Lấy sự ở ngày nay mà xét xem thì kỳ hạn ấy chưa thể có. Bởi vì phụ vương của ông tuổi thọ có thể đến vài trăm năm, khi ấy con cháu thảy đều già cả cũng đã lắm nhiều. Đó là điều do phước lực của Bồ-tát Long Mãnh gia trợ giúp đượm thuật mà cảm nên. Đến lúc nào Bồ-tát Long Mãnh tịch diệt thì phụ vương của ông mới qua đời! Bồ-tát Long Mãnh là bậc trí tuệ rộng xa, tâm từ bi sâu dày, chu cấp cho các loài quần sinh, xem thân mạng chỉ như là vật thừa. Nay ông nên sang đó thử cầu xin cái đầu. Nếu toại được chí nguyện ấy, thì điều ước của ông hẳn sẽ thành”. Vương tử vâng theo sự chỉ bảo của mẹ, đến ngôi già lam đó, người giữ cửa kính sợ nên vương tử được vào tự tại. Khi đó Bồ-

tát Long Mãnh vừa đang tán tụng kinh hành, bỗng thấy vương tử, bèn dừng đứng mà bảo rằng: “Đêm nay có nhân duyên gì mà quá bước đến tăng phường?”. Vương tử vừa như nguy ác như kinh sợ, nhanh vội bước đến mà đáp rằng: “Tôi vâng theo lời bàn thừa của từ mẫu, nói bàn về các bậc sĩ tu hạnh cấp xả, vì là hàm sinh đều quý mạng. Kính cáo cách ngôn chưa có nói đến xem thường xả bỏ báo thân thí cho kẻ muốn mong cầu. Từ mẫu tôi bảo là: “Không phải như vậy. Những bậc thiện thế ở khắp mười phương, các đức Như Lai trong ba đời, từ lúc xa xưa mới đầu phát tâm cho đến khi chứng quả, chuyên cần mong cầu Phật đạo, tu tập giới nhẫn, hoặc ném bỏ thân mình cho thú vật ăn, hoặc xẻo lột thịt đùi để cứu chim bồ câu, như vua Nguyệt Quang thí đầu cho vị Bà-la-môn, vua Từ Lực cấp máu cho quỷ Dược Xoa đói uống, v.v..., những sự đại loại như vậy thật lắm nhiều khó nêu bày hết đủ. Những bậc mong cầu giác ngộ trước đời nào không có”. Nay Bồ-tát Long Mãnh dốc chí cao ấy, tôi có sự mong cầu một cái đầu người vì cần dùng, chiêu mộ đã lâu, mà chưa có người thí xả cho. Muốn hành hung báo giết hại thì tội lụy rất nhiều, ngược hại kẻ không tội thì dơ bẩn đức hạnh rõ bày. Chỉ có Bồ-tát tu tập Thánh đạo, xa mong cầu quả Phật, tâm từ đượm nhuần các loài hàm thức, ân huệ ban cấp không cùng, khinh thường mạng sống như bọt nổi, coi rẻ thân hình tựa gỗ mục. Chẳng trái với bản nguyện, xin hứa thuận cho điều mong cầu! Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Thật tốt lành thay lời nói ấy của ông! Tôi mong cầu quả vị Phật Thánh, tôi tập học hạnh năng thí xả của Phật. Xem thân này chỉ như vọng hưởng, xem thân này chỉ tựa bọt bóng nổi trôi, lưu chuyển trong bốn loài sáu đường, xưa trước đã từng khế hợp với thế nguyện sâu rộng, chẳng trái với mọi vật mong cầu. Nhưng nay đối với vương tử có một điều không thể được. Đó là gì? Như thân mạng tôi đã dứt thì phụ thân vương tử cũng mất”. Vương tử nói rằng: “Nếu đoái hoài với ý ấy thì ai là người có thể giúp đây?”. Bồ-tát Long Mãnh bồi hồi trong nhìn thấy điều mong cầu dứt tuyệt mạng, bèn lấy lá cỏ tranh khô, tự cắt lấy cổ mình như kiếm bén cắt đứt, thân và đầu mỗi phần lia một nơi. Vương tử trông thấy thế rồi kinh sợ tung bỏ chạy đi. Người giữ cửa bèn tấu trình nói bày đầy đủ đuôi đầu. vua Dẫn Chánh nghe thế buồn cảm, quả nhiên cũng băng hà.

Từ nước đó về phía tây nam cách hơn 300 dặm đến núi Bạc La Mạt La Kỳ Ly (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hắc Phong) cao vợi nổi trội đánh ngọn chót vót hiểm nguy, đã không hang cốc ven sườn, y nhiên tựa toàn vùng đá. vua Dẫn Chánh vì Bồ-tát Long Mãnh mà đục khoét bên trong núi đó tạo lập ngôi già lam. Cách núi xa khoảng

10 dặm đục mở con đường rộng, đến dưới chân núi ngựa trông nhìn lên đục xẻ đá, bên trong thì làm hành lang đi bộ dài, dài cao trùng các, mỗi cái có năm tầng, mỗi tầng có bốn viện đều xây dựng tinh xá, mỗi nơi đều chú đúc tôn tượng bằng vàng, hình lượng đồng như thân đức Phật, đẹp xinh hết mực của tư duy khéo léo. Ngoài ra, các thứ trang nghiêm chỉ chỉ trang trí toàn bằng vật báu vàng ròng. Từ trên ngọn núi cao gần như suốt bay trút đổ, dòng nước bao quanh trùng các, giao dải khắp hiền nhà. Đục sâu cách ngoài hang đặt đèn soi sáng trong phòng nhà. Mới đầu vua Dẫn Chánh tạo dựng ngôi già lam đó, sức người đã cùng kiệt khổ nhọc, kho đục cũng hết của cải, song công việc chưa được một nửa, trong tâm vua rất lo buồn. Bồ-tát Long Mãnh mới hỏi rằng: “Cớ sao đại vương như có vẻ lo buồn gì vậy?”. vua Dẫn Chánh nói: “Tôi vận khởi đại tâm, muốn tạo dựng thắng phước, mong đó được vĩnh viễn kiên cố để chờ đợi đến lúc đức Từ Thị xuất hiện nơi đời. Nhưng công việc chưa hoàn thành mà của cải sử dụng đã hết, thường nghĩ nhớ buồn hận đó, ngồi mà chờ đợi tháng ngày!”. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Đại vương chớ phải lo buồn, tạo phước thiên ưu thắng, lợi ích đó chẳng cùng. Có phát khởi thệ nguyện lớn, chớ lo ngại không ai hỗ trợ. Ngày nay trở về cung, đại vương sẽ được vô cùng hoan lạc, sáng sớm mai ra xét xem nơi núi đồng rồi đến đây để bàn tính việc tạo dựng”. Vua Dẫn Chánh đã nhận sự chỉ bảo ấy rồi, kính lo chu toàn. Bồ-tát Long Mãnh vận dụng sức thần diệu được nhỏ giọt các tảng đá lớn đều biến làm thành chất vàng ròng. vua Dẫn Chánh đi ra trông xem, thấy vàng, trên miệng cùng vui mừng chúc tụng, rồi xoay xa giá đến nơi quỷ thần dụ hoặc, lúc đến trong núi rừng thấy toàn vàng đồng”. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Không phải quỷ thần dụ hoặc đâu. Đó là do sự chí thành cảm ứng nên có vàng ấy. Đại vương nên tùy thời lấy dùng giúp đỡ để hoàn thành công nghiệp ưu thắng”. vua Dẫn Chánh bèn vì tạo dựng, đến lúc công việc hoàn thành, vàng vẫn còn thừa. Do đó ở trong năm tầng các mỗi mỗi đều có chú đúc bốn tôn tượng lớn bằng vàng, vẫn còn dư thừa, sung chất vào trong các kho khố. Và nhóm tập ngàn vị tăng đến ở trong ngôi già lam đó lo việc lễ tụng. Bồ-tát Long Mãnh đem kho tàng giáo pháp của một đời đức Như Lai giảng nói. Các bộ luận do chư vị Bồ-tát diễn thuật, nhóm tập từng bộ riêng biệt cất chứa trong đó. Nên ở tầng các thứ nhất trên cùng là nơi để thiết trí tôn tượng đức Phật và các kinh luận. Tại tầng thứ năm dưới cùng là để các hàng tịnh nhân cư sĩ ở và cất chứa mọi thứ vật dụng của cải, v.v... Còn ba tầng các khoảng giữa là nơi phòng thất của chúng tăng sinh hoạt. Nghe các bậc lão thành nói

rằng: “vua Dẫn Chánh tạo dựng ngôi già lam đó đến lúc hoàn tất. Tính về muối các người thợ ăn dùng mua mất hết chín câu chi (câu chi tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ức) tiền vàng. Về sau trong chúng tăng có sự phân tranh dữ dội, dẫn đến vua bình nghị. Khi ấy các hàng tịnh nhân nói cùng với nhau rằng: “Chư tăng nổi dậy phân tranh mở lời bàn luận trái nhau, hẳn khiến người hung xấu xét dò lỗ hổng mà phá hoại ngôi già lam”. Khi đó trùng các trở lại chống cự xua đuổi chư tăng. Từ đó trở đi không còn có tăng chúng. Từ xa trông nhìn đến đỉnh núi chẳng biết cửa ngõ nơi nào. Có lúc đưa dẫn người khéo giỏi phương thức vào bên trong chữa trị bệnh tật. Nhưng toàn mở mắt ra vào, chẳng biết đường đi.

Từ đó, đi trong rừng lớn theo hướng nam cách hơn 900 dặm đến nước Án Đạt La (thuộc Nam Ấn Độ).

### 13 - NƯỚC ÁN ĐẠT LA.

Nước Án Đạt La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Bình Kỳ La chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai màu mỡ, lúa thóc tươi tốt lắm nhiều, khí hậu ấm nóng, phong tục con người cứng mạnh hung bạo, nói năng từ điệu khác với các nước xứ Trung Ấn Độ. Còn về văn tự phép tắc thì phần lớn có sự tương đồng. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị. Có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo rất đông nhiều.

Bên cạnh đô thành Bình Kỳ La cách không xa có ngôi già lam lớn, trùng các tầng đài chế tạo khắc chạm rất mực kỳ công, tôn tượng Phật Thánh oai dung xinh đẹp. Phía trước ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao vài trăm thước đều do Đại A-la-hán A Chiết La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Sở Hành) tạo dựng.

Từ ngôi già lam của A-la-hán Sở Hành tạo dựng. Về hướng tây nam đi hơn 20 dặm đến một quả núi đơn lẻ. Trên đỉnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá. Xưa kia Bồ-tát Trần Na đến ở tại đó tạo luận Nhân Minh. Bồ-tát Trần Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đồng Thọ). Sau khi đức Phật đã nhập niết bàn, nương thừa di phong mà xuất gia, là bậc trí nguyện rộng lớn, tuệ lực sâu bền, xót thương ở đời không nơi nương tựa, nghĩ suy muốn hoằng dương Thánh giáo, nên tạo luận nhân minh, lời sâu lý rộng. Các hàng học giả hao tổn lắm công sức mà khó thành học nghiệp, Bồ-tát Trần Na bèn ẩn vết nơi núi sâu, gá thân trong tịch định, quán xét sự lợi hại của trước thuật, dò xem sự ít nhiều về văn nghĩa. Khi ấy hang núi chấn động tiếng vang, mây khói bủa trùm



khấp cả. Thần núi bưng nâng Bồ-tát lên cao vài trăm thước, và xưng lời rằng: “Xưa kia đức Phật Thế Tôn dùng phương tiện quyền biến giáo hóa dẫn dắt mọi vật, dùng tâm từ bi giảng nói luận Nhân Minh, bao gồm tất cả diệu lý, nghiên cứu sâu sắc lời huyền. Từ khi đức Như Lai tịch diệt, đại nghĩa dần ẩn mất. Nay đây, có Bồ-tát Trần Na là người có được phước tuệ sâu xa, rất thấu đạt Thánh chỉ. Do đó, luận Nhân Minh lại được hiển dương ở ngày nay”. Bồ-tát Trần Na mới tỏa phóng ánh sáng lớn soi chiếu vào nơi tối tăm, khi ấy vua nước đó rất sinh tâm cung kính, thấy ánh sáng đó, cùng nghi là Bồ-tát Trần Na nhập định kim cương, nhân đó thỉnh cầu Bồ-tát Trần Na chứng quả Vô Sinh. Bồ-tát Trần Na bảo rằng: “Tôi nhập định, quán xét muốn giải thích nghĩa kinh sâu mầu, tâm mong cầu quả vị chánh giác, chẳng nguyện chỉ ở quả vị vô sinh”. Vua nước đó nói: “Quả vị vô sinh, các Thánh đồng vui thích ngưỡng mộ, đã đoạn dục trong ba cõi, thông suốt trí tam minh. Đó là việc lớn, nguyện mau đắc độ”. Khi ấy Bồ-tát Trần Na vui nhận sự thỉnh cầu của vua nước đó, vừa muốn chứng nhận Thánh quả vô học. Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường nhận biết mà than tiếc đó, muốn cùng cảnh tỉnh răn bảo, mới khảy móng tay khai mở ngộ mà bảo cùng Bồ-tát Trần Na rằng: “Thật tiếc thay! Cố sao xả bỏ tâm rộng lớn mà làm theo chí ý yếu kém, tự ôm hoài riêng tốt lành cho chính mình mà bỏ hạnh nguyện rộng cứu tế cùng khắp? Muôn làm điều thiện lợi, phải rộng hoằng truyền giảng nói về luận Du Già Sư Địa do Bồ-tát Từ Thị tác thuật, dẫn dắt khuyên dụ hàng hậu học lợi ích ấy rất lớn vậy”. Bồ-tát Trần Na bèn kính nhận lời chỉ bảo dạy răn đó và lo chu toàn, từ đó đàm luận tư duy nghiên tầm sâu rộng về luận Nhân Minh, còn sợ các hàng học giả hãi sợ về văn nghĩa vi diệu, ngôn từ ước lược, mới nêu gồm đại nghĩa, bao quát vi ngôn, tạo luận Nhân Minh để dẫn dắt hàng hậu tiến. Từ đó trở về sau lại tuyên dương luận Du Già Sư Địa, các hàng môn nhân đệ tử thành đạt hạnh nghiệp lớn, rất có tiếng tăm ở nơi đời.

Từ trong rừng hoang đó theo hướng nam đi hơn ngàn dặm đến nước Đà La yết Trách Ca (cũng còn gọi là nước Đại An Đạt La, thuộc Nam Ấn Độ).

#### **14 - NƯỚC ĐÀ NA YẾT TRÁCH CA.**

Nước Đà Na Yết Trách Ca chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc lắm nhiều. Do vì hoang dã đã lâu dài nên thôn ấp hiếm ít dân chúng ở. Khí hậu ấm nóng, con người dung mạo đen sạm, tánh khí mạnh mẽ nóng

nầy, khéo léo ham học nghề nghiệp. Những ngôi già lam xếp bày theo thứ lớp đã hoang tàn lấm nhều, chỉ còn hơn 20 ngôi. Chư tăng có hơn 1000 vị, phần nhiều đều tập học giáo pháp đại chúng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng đệ đạo rất đông nhiều.

Phía đông đô thành, tựa men vào núi có ngôi Tăng-già lam Phất Bà Thế La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đông Sơn) ở phía tây đô thành cũng tựa vào núi có ngôi Tăng-già lam A Phạt La Thế La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tây sơn), do tiên vương nước đó vì đức Phật mà tạo dựng nên. Mọi đạo thông đường, xẻ sườn núi đặt các, hành lang dẫn bộ dài gối đầu vào hang thông liền với đỉnh núi, có linh thần cảnh vệ trông coi, là nơi các bậc Thánh hiền đến nương nghỉ. Từ sau khi đức Thế Tôn đã diệt độ trong khoảng 1000 năm, mỗi năm có cả ngàn vị phàm phu tăng đồng vào đó an cư, đến ngày giải chế an cư đều chứng quả A-la-hán, bèn dùng sức thần thông vượt giữa hư không mà đi. Qua sau ngàn năm đó, các hàng chư tăng phàm Thánh đồng chung ở. Từ trăm năm trở lại đây không còn có chư tăng, mà thần núi biến hiện thân hình, hoặc làm lang sói, hoặc làm khỉ vượn, v.v... khủng bố mọi người đi đường qua lại, nên trở thành hoang vắng, tuyệt không dấu vết chư tăng.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một hang núi lớn. Xưa kia luận sư Bà Tỳ Phệ Già (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thanh Biện) ở tại cung A Tố Lạc đến đó chờ đợi đức Bồ-tát Từ Thị xuất hiện nơi đời thành Phật. Luận sư Thanh Biện là người nhả lượng rộng xa, chí đức sâu sắc, bên ngoài hiện bày sắc phục của tăng khư, song bên trong mở rộng giáo học của Bồ-tát Long Mãnh, nghe Bồ-tát Hộ Pháp ở nước Ma Yết Đà tuyên dương giáo pháp, đồ chúng học trò có cả ngàn vị, rất muốn đàm luận nghĩa đạo, nên luận sư Thanh Biện chống tích tìm sang. Vừa đến thành Ba Tra Ly, biết Bồ-tát Hộ Pháp đang ở tại cây Bồ-đề, luận sư Thanh Biện mới bảo vị đệ tử rằng: “Ông nên đến cây Bồ-đề, nơi Bồ-tát Hộ Pháp đang ở tại đó, theo như lời ta mà trình bày rằng: “Bồ-tát tuyên dương di giáo, dẫn dắt quần mê, ta đây kính ngưỡng đức hạnh, rỗng rang cõi lòng đã lâu lắm, nhưng mà ước nguyện xưa chưa thành quả thì bên trái với lẽ yết. Vì đối với với cây Bồ-đề, ta nguyện chẳng thấy rỗng không, hể thấy hẳn phải có quả chứng xứng là bậc thầy của trời người”. Bồ-tát Hộ Pháp bảo cùng vị đệ tử ấy rằng: “Người đời như huyễn mộng, thân mạng chỉ như bọt bóng nổi trôi. Khát ngưỡng từng ngày chuyên cần thành thực, chưa vội phải đàm nói nghị bàn”. Đệ tử ấy đưa tin qua lại trọn không gặp thấy. Khi đã trở về lại nơi

đất nước mình, giữa lúc tĩnh lặng mà tư duy rằng: “Nếu chẳng phải là Bồ-tát Từ Thị thành Phật thì ai là người có thể giải quyết điều nghi của mình”. Bèn đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại mà trì tụng “Tùy Tâm Đà La Ni”. Bỏ ăn, chỉ uống nước trái suốt thời gian ba năm. Bồ-tát Quán Tự Tại mới hiện thân sắc tướng diệu mầu bảo cùng luận sư rằng: “Ông có điều chí nguyện gì ư?”. Luận sư Thanh Biện đáp: “Nguyện muốn lưu giữ thân này đợi thấy Bồ-tát Từ Thị thành Phật”. Bồ-tát Quán Tự Tại bảo rằng: “Mạng người dòn vỡ”, thế gian này chỉ như bọt bóng nổi trôi, nên tu thiện nghiệp ưu thắng, phát nguyện sinh lên cung trời Đổ Sứ Đa, ở đó thân gần tham hầu còn nhanh hơn là chờ đợi trông thấy ở thế gian này”. Luận sư Thanh Biện nói rằng: “Chí nguyện không thể đoạn dứt, tâm mong cầu đoạn dứt, tâm mong cầu chẳng thể đổi thay”. Bồ-tát Quán Tự Tại bảo rằng: “Nếu vậy, nên sang nơi hang núi ở phía nam đô thành của nước Đà Na Yết Trách Ca; chỗ thần Chấp Kim Cang ở mà trì tụng “Chấp Kim Cang Đà La Ni thì sẽ được toại nguyện ấy”. Luận sư Thanh Biện mới sang đó trì tụng, ba năm sau, thần Chấp Kim Cang mới nói cùng luận sư rằng: “Ông có điều nguyện gì mà chuyên cần cố gắng như vậy?”. Luận sư Thanh Biện đáp rằng: “Tâm nguyện muốn lưu lại thân này chờ đợi Bồ-tát Từ Thị thành Phật, được Bồ-tát Quán Tự Tại chỉ bảo đến đây để cầu thỉnh. Thành đạt ước nguyện của tôi, chính do thần đây ư?”. Thần Chấp Kim Cang mới trao phương thuật bí mật, và bảo cùng luận sư rằng: “Trong hang đá này có cung A Tố Lạc, nếu đúng như pháp hành trì cầu thỉnh, thì vách đá thường mở. Khi đã mở thì vào trong đó có thể ở chờ đợi được thấy Bồ-tát Từ Thị vậy”. Luận sư Thanh Biện nói: “Ở nơi tối tăm còn không thấy, vậy làm sao biết lúc đức Phật xuất hiện nơi đời?”. Thần Chấp Kim Cang bảo rằng: “Đến lúc Từ Thị xuất hiện nơi đời, tôi sẽ cùng báo cho biết”. Luận sư Thanh Biện vâng nhận theo lời ấy, chuyên tinh tụng trì trải qua ba năm nữa vẫn như mới đầu không thay đổi ý tưởng, chí nguyện hạt cải để đánh vách hang đá, bỗng nhiên bèn mở rộng. Khi ấy có cả trăm ngàn vạn người cùng đến trông xem quên cả trở về. Luận sư Thanh Biện dẫm bước lên cửa hang mà bảo rằng: “Từ lâu tôi mong cầu thỉnh nguyện đợi chờ được trông thấy Bồ-tát Từ Thị xuất hiện nơi đời thành Phật, được Thánh linh cảnh tỉnh hỗ giúp nên nay đại nguyện được toại thành. Các người nên có thể vào đây để đồng được trông thấy đức Phật xuất hiện nơi đời”. Mọi người nghe nói vậy đều kinh sợ chẳng ai dám giẫm bước lên cửa ấy, mà cho rằng: “Đó là nơi hang ổ của rắn độc, sợ sẽ tan mất thân mạng”. Luận sư Thanh Biện lại thêm vài ba phen khuyên nhủ

nhưng chỉ có được sáu người theo vào. Luận sư Thanh Biện ngoáy nhìn lại mọi người lúc đó và thong dong đi vào. Sau khi vào rồi, vách đá tự nhiên bít lại, mọi người bên ngoài đều oán thán tự trách lỗi lầm của lời nói trước.

Từ đó theo hướng tây nam đi hơn ngàn dặm đến nước Châu Lợi Da (thuộc Nam Ấn Độ).

### 15 - NƯỚC CHÂU LỢI DA.

Nước Châu Lợi Da chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Đất đai hoang vắng, đầm chằm hoang vu, nhà người ở hiếm ít, giặc cướp đường từng đoàn lộng hành, khí hậu ẩm nóng. Phong tục con người gian dối hung dữ, tánh khí cứng mạnh nóng nảy, rất sùng tín ngoại đạo, các ngôi già lam xưa cũ đều đã đổ nát, lơ sơ hiếm có chữ táng. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, phần đông là đồ chúng lỏa hình ngoại đạo.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng ở nơi đó hiện sức thần thông lớn, giảng nói giáo pháp thâm diệu, nhiếp phục ngoại đạo, hóa độ các chúng trời người.

Từ đô thành về phía tây cách không xa, có một ngôi già lam xưa cũ là nơi xưa kia Bồ-tát Đề Bà cùng luận nghị với vị A-la-hán. Mới đầu Bồ-tát Đề Bà nghe ở ngôi già lam đó có A-la-hán Ốt Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thượng) là vị chứng đắc lục thông có đủ tám pháp giải thoát, bèn từ xa tìm đến trong xem đạo phong nghi phạm. Khi đã đến nơi ngôi già lam đó vào phòng nghỉ của A-la-hán. A-la-hán tu hạnh thiếu dục tri túc chỉ đặt một chiếc sàng tòa, Bồ-tát Đề Bà đã đến nơi không có gì để làm tòa, bèn nhóm nhặt các ngọn lá rơi để ngồi. Vị A-la-hán đó nhập định quá nửa đêm mới xuất. Khi ấy Bồ-tát Đề Bà mới trình bày điều nghi cầu xin quyết trách vị A-la-hán đó tùy sự cật nạn mà vì giải thích. Bồ-tát Đề Bà men theo tiếng, trở lại chất vấn. Trải qua bảy lược, vị A-la-hán đó tự nhiên ngậm miệng không đối đáp, lén vận dụng sức thần thông lên cung trời Đố Sử Đa hỏi Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát Từ Thị vì đó mà thích nạn và cũng nhân đó mà bảo rằng: “Bồ-tát Đề Bà là người đã trải qua nhiều đời kiếp tu hành. Ở trong thời Hiền kiếp sẽ tiếp nối ngôi vị thành Phật, chẳng phải điều ông biết được, nên phải rất kính lễ”. Chỉ trong khảy móng tay, vị A-la-hán trở về lại sàng tòa, và mới đề nén và xiển dương diệu nghĩa, vạch chiếc vi ngôn. Bồ-tát Đề Bà nói rằng: “Đó hẳn là sự thích nạn do Thánh trí của Bồ-tát

Từ Thị, chứ đâu phải khả năng tỏ rõ rõ ráo của nhân giả chứ?”. Vị A-la-hán đó nói: “Thật đúng vậy. Đó là diệu chỉ của đức Như Lai”. Và khi ấy bèn lánh rời khỏi sàng tòa lễ tạ và rất kính trọng thán phục.

Từ đó theo hướng nam vào trong rừng hoang đi khoảng 1500 - 1600 dặm đến nước Đạt La Tỳ Trà (thuộc Nam Ấn Độ).

### 16 - NƯỚC ĐẠT LA TỖ TRÀ.

Nước Đạt La Tỳ Trà chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiện là Đãi Chí Bồ La, chu vi rộng hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ lúa thóc lắm nhiều và lắm hoa quả, là nơi sản sinh các vật báu. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh mẽ nóng nảy, rất dốc lòng với tín nghĩa, cao chuộng nhận biết rộng, mà nói năng và văn tự có phần hơi khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tuân theo tập học theo giáo pháp của thượng tọa bộ. Có hơn 80 ngôi đền thờ trời và lắm nhiều đồ chúng lỏa hình ngoại đạo. Xưa kia, lúc còn tại thế, đức Như Lai từng đến nước đó giảng nơi giáo pháp hóa độ mọi người, nên tại nơi các Thánh tích vua Vô Ưu đều có tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba. Thành Đãi Chí Bồ La tức là thành nơi quê hương sinh sống của Bồ-tát Đạt Ma Ba La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hộ Pháp). Bồ-tát vốn người con đầu của quan đại thần nước đó. từ thừa bé nhỏ đã ôm hoài nhĩ lượng, đến lúc trưởng thành lại càng rộng xa. Vừa đến tuổi 20, vương phi ban giáng xuống, trong đêm lễ diên mà cõi lòng lo buồn thảm thiết, bèn đối trước tôn tượng đức Phật ân cần cầu thỉnh. Do sự chí thành mà cảm ứng được vị thần mang đi trốn lánh xa cách đó khoảng vài trăm dặm, đến ngôi trong điện Phật ở một ngôi già lam tại núi. Có vị tăng mở cửa, thấy thiếu niên ấy bèn nghi là kẻ trộm, lại cật hỏi từ đâu đến, Bồ-tát mới đem cả nỗi lòng nói bày, và nhân đó cầu xin xuất gia. Chúng tăng đều kính dị bèn hứa thuận với chí ý ấy. vua nước đó ban lệnh tìm kiếm khắp xa gần, mới biết Bồ-tát được thần mang đưa lánh xa cõi trần. vua biết như vậy rồi càng thêm sự kính trọng khác lạ. Từ sau khi đã xuất gia, Bồ-tát dốc chí chuyên cần cầu học. Khiến vang vọng phong thái phép tắc như ghi bày ở các nơi trước.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một ngôi già lam lớn. Các bậc thông minh tài duệ trong nước nhà đều ở tại đó đông nhiều. Ở đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nơi giáo pháp nhiếp phục ngoại đạo, rộng hóa độ các hàng trời người. Bên cạnh đó là nơi có di tích của

bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ đó theo hướng nam đi hơn 3000 dặm đến nước Mạt La Củ Tra (cũng còn gọi là nước Chỉ Mạt La, thuộc Nam Ấn Độ).

### 17 - NƯỚC MẠT LA CỬ TRA.

Nước Mạt La Củ Tra chu vi rộng hơn 5000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm. Đất ruộng nhiễm muối mặn nên mặt địa lợi chẳng có gì. Bến bãi gần kề biển, do vậy các vật quý báu phần nhiều nhóm tụ ở nước đó. Khí hậu nóng cháy, con người phần nhiều sắc da đen sạm, chí tánh cứng mạnh nóng nảy. Tà chánh đều tồn sùng, chẳng chuộng tập học các nghề nghiệp, chỉ khéo đuổi theo vật lợi. Những nền móng của các ngôi già lam xưa cũ còn lại thật lắm nhiều, nhưng các ngôi già lam hiện còn thì hiếm ít và chũr tăng cũng rất ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng đệ đạo rất đông nhiều, phần nhiều là đồ chúng lỏa hình ngoại đạo.

Từ đô thành về phía đông cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, sân nhà đã hoang nát, nền móng vẫn hiện còn, do em của vua Vô Ưu tạo dựng. Phía đông ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng cao vợi tuy đã sụp đổ nhưng hình thế bát úp vẫn hiện còn. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói pháp, hiện sức thần thông lớn hóa độ vô lượng chúng. Vì muốn nêu bày sáng tỏ các Thánh tích nên vua Vô Ưu tạo dựng đó, lâu năm thêm thần linh, cầu nguyện bèn toại cảm.

Ở bến bãi biển phía nam nước đó có núi Mạt Thích Da sườn cao đánh vót, cốc hang thông rộng khe suối ngấm sâu. Bên trong có giống cây bạch đàn hương, cây chiên đàn nễ bà. Loại cây Bạch Đàn không thể dùng riêng. Chỉ vào giữa mùa hạ nắng nóng leo lên trên cao từ xa trông nhìn, cây ấy có rần lớn quấn quanh, khi ấy mới được đó như cây gỗ ấy có tánh mát lạnh nên rần quấn ở, đã trông thấy thế rồi dùng cung tên bắn đến làm dấu đến sau ngày đông chí mới chặt lấy dùng. Còn cây Yết bố la hương thân như cây tùng mà lá hoa quả khác biệt. Mới đầu chặt lấy thì ẩm ướt còn chưa có mùi thơm, tướng trạng như vân mẫu sắc màu tợ băng tuyết. Ở Trung Hoa gọi đó là Hương long não.

Từ núi Mạt Thích Da về phía đông có núi Bồ Đát Lạc Ca, đường núi hiểm nguy, hang dốc quanh co. Trên đỉnh núi có ao, nước ao đó lắng trong như kiếng soi, dòng chảy đổ vào sông lớn, kéo dòng chạy quanh núi khoảng 20 vòng mới vào Nam Hải. Bên cạnh ao đó có cung trời bằng đá, Bồ-tát Quán Tự Tại thường qua lại dừng nghỉ. Như người

có ước nguyện mong trông thấy Bồ-tát chẳng đoái hoài thân mạng, gắng mang nước lên núi, quên cả mọi sự gian nan hiểm trở. Hạng người có khả năng thấu đạt như thế thật hiếm ít. Mà tại dưới núi mọi người ở dốc tâm mong cầu trông thấy, hoặc làm hình tượng Tự Tại Thiên, hoặc làm ngoại đạo bôi tro bụi thân mình, an ủy dẫn dụ người đó toại được ý nguyện.

Từ đó về hướng đông bắc, bên cạnh bờ biển có một khu thành là đường sang đến nước Tăng-già-la ở Nam Hải. Nghe các hàng sĩ tục nói là từ đó vào biển theo hướng đông nam đi hơn 3000 dặm đến nước Tăng-già-la (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Chấp Sư Tử, chẳng thuộc cảnh vực các xứ Ấn Độ).

